

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án, dự toán và gói thầu

- Tên dự án: Xây dựng Nền tảng quản lý thương mại và thị trường.

- Chủ đầu tư: Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

- Quy mô đầu tư:

+ Thực hiện quản lý, giám sát các nội dung sau:

- Hồ sơ doanh nghiệp thương mại; hàng hóa XNK (mã HS, quy cách); giấy phép chuyên ngành, danh mục dùng chung (địa bàn, ngành hàng, tiêu chuẩn).
- Lịch sử giá, cung - cầu, tồn kho, lưu thông, dữ liệu vi phạm/kiểm tra QLTT, dữ liệu khiếu nại/kiến nghị.
- Thu thập, chuẩn hóa và hợp nhất dữ liệu giá - cung cầu từ: Sở Công thương, chợ đầu mối/điểm bán, sàn TMĐT, hệ thống XNK, doanh nghiệp lớn, báo cáo địa phương.
- Phát hiện hàng giả/hàng kém chất lượng dựa trên báo cáo tự động, tín hiệu bất thường và tích hợp dữ liệu kiểm tra của QLTT.

+ Thực hiện phân tích, dự báo sử dụng AI gồm mô hình dự báo giá ngắn - trung hạn cho nhóm hàng thiết yếu, mô hình chấm điểm rủi ro doanh nghiệp/ngành hàng/địa bàn, cảnh báo sớm.

+ Cung cấp dịch vụ công trực tuyến gồm cấp phép chuyên ngành thuộc phạm vi Bộ/Sở Công thương, xử lý khiếu nại, tích hợp chữ ký số, lưu trữ hồ sơ điện tử và nhật ký số.

+ Quản lý sàn giao dịch hàng hóa gồm cấp phép, giám sát quy trình; tiếp nhận dữ liệu thời gian gần thực, cảnh báo vượt ngưỡng và hành vi bất thường.

+ Hệ thống báo cáo tùy chỉnh, dashboard điều hành đa cấp, chia sẻ dữ liệu dọc (xã/phường - tỉnh - Bộ) và ngang (giữa các Cục/Vụ, liên bộ) qua API tiêu chuẩn.

+ Hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống nội bộ ngành Công thương: QLTT, xúc tiến thương mại, giá - thị trường, cấp phép, báo cáo thống kê và liên bộ/ngành như Hải quan (XNK), Thuế/Hóa đơn điện tử, Ngân hàng (ký quỹ sàn, thanh toán), Nông nghiệp, Tài chính, GTVT/Logistics.

+ Xây dựng, quản trị tập trung và triển khai sử dụng trên toàn quốc. Các đối tượng tham gia hệ thống gồm Bộ Công thương và các Cục/Vụ/Cơ quan trực thuộc; Trung tâm điều hành, các Sở Công thương; Chi cục QLTT và tổ chức/cá nhân liên quan; Doanh nghiệp, sàn giao dịch hàng hóa, tổ chức giám sát ký quỹ, hiệp hội; người dân gửi phản ánh/kiến nghị.

- Tên dự toán: Dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng Nền tảng quản lý thương mại và thị trường.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Thuê đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án Xây dựng nền tảng quản lý thương mại và thị trường.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu

Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và đội ngũ nhân sự thực hiện tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án Xây dựng nền tảng quản lý thương mại và thị trường.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu

Nhà thầu thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án Xây dựng nền tảng quản lý thương mại và thị trường theo đúng các văn bản, quy định hiện hành của nhà nước gồm:

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Nghị quyết số 04/2025/NQ-CP ngày 20/8/2025 của Chính phủ về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Và các văn bản có liên quan.

Trong quá trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, nếu có các yêu cầu giải trình, điều chỉnh, nhà thầu phải phối hợp cùng với Chủ đầu tư để thực hiện và hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi theo yêu cầu cho đến khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn

Nhiệm vụ cụ thể tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án Xây dựng nền tảng quản lý thương mại và thị trường phải đầy đủ các nội dung theo

quy định tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đối với dự án nhóm B không có cấu phần xây dựng, bao gồm:

- a) Sự cần thiết đầu tư;
- b) Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
- c) Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư;
- d) Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư;
- đ) Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án;
- e) Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường;
- g) Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư;
- h) Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư;
- i) Xác định tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, phương án huy động vốn;
- k) Xác định chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành trong giai đoạn khai thác dự án;
- l) Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ đầu tư, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án;
- m) Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

Theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP quy định: Nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin cần thuyết minh rõ các nội dung sau:

- a) Đánh giá sự tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số hoặc khung kiến trúc số cấp bộ hoặc khung kiến trúc số cấp tỉnh;
- b) Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, trong đó có phân tích, lựa chọn phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan; yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 hoặc giải pháp nâng cấp hệ thống bảo đảm sẵn sàng với IPv6 nếu có các nội dung liên quan hoạt động trên môi trường Internet; phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị bảo đảm an toàn thông tin;
- c) Thiết kế cơ sở của phương án được lựa chọn.

Nội dung chính của thiết kế cơ sở theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP, bao gồm:

* Yêu cầu thiết kế cơ sở

- a) Phải tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số hoặc khung kiến trúc số cấp bộ hoặc khung kiến trúc số cấp tỉnh;

b) Phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng; phải đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước (nếu có);

c) Phải thể hiện được các thông số chủ yếu, chức năng, tính năng chính;

d) Phải bảo đảm xác định được tổng mức đầu tư.

* Nội dung chính của thiết kế cơ sở:

a) Phần thuyết minh:

- Mô tả các yêu cầu của dự án;

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng;

- Thuyết minh mô hình tổng thể, mô hình lô-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có), đưa ra các hạng mục đầu tư chính của dự án theo phương án đã chọn bảo đảm thể hiện được các kết nối bên trong, bên ngoài, đường truyền (nếu có) của hệ thống và tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị;

- Khối lượng sơ bộ các công tác xây lắp, thiết bị và các yêu cầu về kỹ thuật; khối lượng sơ bộ công tác đào tạo hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành và các công tác khác có liên quan;

- Mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ theo quy định tại Điều 18 Nghị định này;

- Mô tả yêu cầu về an toàn thông tin của dự án.

b) Phần sơ đồ sơ bộ:

- Các tài liệu về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện khác; sơ đồ sơ bộ xây lắp, lắp đặt (đối với xây lắp mạng, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin và các phụ kiện);

- Sơ đồ sơ bộ thể hiện việc kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan.

c) Nội dung chính của thiết kế cơ sở đối với các hạng mục hoặc dự án mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt; mua sắm phần mềm thương mại; mua sắm thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu không thuộc hoạt động quy định tại khoản 24 Điều 3 Nghị định này, bao gồm:

- Danh mục thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại và các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị;

- Thống kê khối lượng các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại.

Đối với phần mềm nội bộ, việc mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ phải bảo đảm đủ điều kiện để xác định chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ, bao gồm các nội dung chính sau:

- Tên phần mềm.

- Các thông số chủ yếu:

a) Các quy trình nghiệp vụ cần được tin học hóa (tổ chức, vận hành của quy trình, sản phẩm của quá trình nghiệp vụ, các giao tác xử lý của quy trình nghiệp vụ);

b) Các đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ và mối liên hệ giữa chúng (con người, các nguồn lực, thiết bị phục vụ cho xử lý nghiệp vụ, các yếu tố đóng vai trò hỗ trợ khác);

c) Danh sách các yêu cầu của người sử dụng.

- Các yêu cầu phi chức năng:

a) Yêu cầu cần đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu;

b) Yêu cầu về an toàn thông tin;

c) Các yêu cầu cần đáp ứng về thời gian xử lý, độ phức tạp xử lý của các phần mềm;

d) Các yêu cầu về cài đặt, hạ tầng, đường truyền, an toàn vận hành, khai thác, sử dụng;

đ) Các ràng buộc đối với hệ thống gồm: ràng buộc môi trường, sự phụ thuộc vào hệ thống nền tảng;

e) Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 (nếu hoạt động trên môi trường Internet);

g) Các yêu cầu phi chức năng khác.

Tổng mức đầu tư dự án theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP cụ thể như sau:

* Tổng mức đầu tư dự án là toàn bộ chi phí dự tính để đầu tư được ghi trong quyết định đầu tư, là cơ sở để chủ đầu tư lập kế hoạch và quản lý vốn khi thực hiện đầu tư dự án.

* Tổng mức đầu tư bao gồm:

a) Chi phí xây lắp:

- Chi phí mua sắm, lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ thông tin và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng;

- Các chi phí xây lắp trực tiếp khác có liên quan.

b) Chi phí trang thiết bị:

- Chi phí mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: Thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của nhà sản xuất), phần mềm nội bộ và các thiết bị khác; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; thuế và các loại phí liên quan;

- Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyên đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu;

- Chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm;

- Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có);

- Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có).

c) Chi phí quản lý dự án: gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm của dự án vào khai thác sử dụng và chi phí giám sát, đánh giá đầu tư dự án;

d) Chi phí tư vấn đầu tư: Chi phí khảo sát; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật; điều tra, nghiên cứu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tuyển chọn giải pháp; thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật; lập thiết kế chi tiết, điều chỉnh, bổ sung thiết kế chi tiết; lập dự toán; điều chỉnh dự toán; thẩm tra thiết kế chi tiết, dự toán; lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án, lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và chi phí phân tích đánh giá hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu để lựa chọn nhà thầu; lập định mức, đơn giá; kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị; đánh giá chất lượng sản phẩm; quy đổi vốn đầu tư; giám sát công tác triển khai; thực hiện các công việc tư vấn khác;

đ) Chi phí khác: Phí và lệ phí; bảo hiểm (trừ chi phí bảo hiểm thiết bị quy định tại điểm b khoản này); kiểm thử hoặc vận hành thử; kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; lắp đặt và thuê đường truyền; chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ các hoạt động trong quá trình triển khai đầu tư dự án; chi phí thẩm định giá và các chi phí khác.

e) Chi phí dự phòng: Chi phí dự phòng trượt giá trong thời gian thực hiện dự án, chi phí dự phòng phát sinh khối lượng và chi phí dự phòng cho các khoản tạm tính (nếu có).

Tổng mức đầu tư được tính toán và xác định trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi phù hợp với nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở.

Tổng mức đầu tư được xác định theo các phương pháp quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-CP.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn

Thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Các báo cáo phải nộp

- Tài liệu thiết kế cơ sở: 08 bản cứng và 01 file điện tử.
- Báo cáo nghiên cứu khả thi: 08 bản cứng và 01 file điện tử.

2. Tiến độ nộp báo cáo

TT	Tên báo cáo	Thời hạn nộp báo cáo
1	Thiết kế cơ sở	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Báo cáo nghiên cứu khả thi	45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí được nêu cụ thể tại Mục 2, Chương III của E-HSMT.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu cung cấp.

- Hướng dẫn nhà thầu về những nội dung liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

- Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong khoảng thời gian 03 ngày làm việc.

- Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để phối hợp làm việc với nhà thầu.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.